

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2020
V/v ly hôn giữa chị S và anh C.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hùng

2. Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm Cg khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST - HNGĐ ngày 28-4-2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-8-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị S - sinh năm 1993.

ĐKHKTT và nơi ở: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam; Nơi ở hiện nay: Thôn M, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Trần C - sinh năm 1989.

ĐKHKTT và nơi ở: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam.

Tại phiên tòa: Anh C có mặt; Chị S có đơn xin được vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27-4-2020, bản tự khai ngày 29-4-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị S trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Trần C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V vào ngày 28-11-2011. Sau kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn

đến hay cãi, chửi, đánh nhau. Anh C tính tình nóng nảy, thường xuyên đánh, chửi chị vì những nguyên nhân rất nhỏ và còn xúc phạm đến cả gia đình chị. Ngày 20-3-2020 anh C đánh, chửi và đe dọa nên chị sợ quá đã dẫn con đi ra khỏi nhà và anh chị sống ly thân từ đó đến nay.

Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị xin được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 06-10-2012. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Q được chị S nuôi dưỡng. Ly hôn chị S nhận nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Chị S xác định Tòa án giao con cho chị nuôi dưỡng thì chị sẽ nuôi con tốt hơn anh C. Hiện nay chị đang làm Cg nhân tại Cg ty TNHH Tổng hợp Thiên Phú H; địa chỉ: xã X – Tân M- S – Hà Nội; Tổng thu nhập hàng khoảng 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*), với mức thu nhập này chị đảm bảo đủ điều chăm lo cho cuộc sống của con.

Chị không đồng ý cho anh C nuôi dưỡng cháu Q vì những lý do sau: Cháu Q có nguyện vọng được ở cùng mẹ; chị có điều kiện chăm sóc con tốt hơn, khi chị đi làm thì cháu Q có bà ngoại đưa đón đi học và chăm sóc khi chị bận việc còn anh C làm công nhân, thời gian làm việc nhiều, khi anh C bận việc thì cháu Q không có người chăm sóc (Bố mẹ anh C đã mất); về điều kiện học tập: Chị đã xin cho cháu nhập học vào trường Tiểu học B, cháu đã học hành vui chơi quen với bạn bè nên đảm bảo ổn định cho cháu học tập; về nơi ở: Hiện nay mẹ con chị đã sinh sống ổn định cùng gia đình anh trai chị tại nhà riêng do bố mẹ chị mua cho anh em chị ở Thôn M, xã B, huyện S, thành phố Hà Nội.

- Về tài sản, công nợ và những nội dung khác liên quan: Chị Đoàn Thị S không kê khai, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 08-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Vũ Trần C trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh Vũ Trần C về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và thời gian vợ chồng sống hạnh phúc giữa anh và chị S giống như lời khai của chị S.

Theo anh C, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như chị S khai là chưa hoàn toàn đúng, ngoài mâu thuẫn gia đình là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, còn có nguyên nhân là do chị S hay cãi lại anh và chửi anh bằng những lời rất láo, anh chửi một câu thì chị S lại chửi lại ngay cứ như vậy hết lần này đến lần khác. Đỉnh điểm mâu thuẫn gia đình anh là vào mừng 01 tết năm 2020, khi anh bảo chị S làm cơm cúng thì chị S vừa làm vừa xem điện thoại nên anh nói và chị S chửi lại, anh tát chị S thì chị S hất đổ cả mâm cỗ. Còn rất nhiều xung đột giữa 02 vợ chồng nữa

đã dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Chị S có lỗi nhưng không bao giờ chịu nhận lỗi mà anh luôn là người phải xin lỗi. Ngày 22-3-2020 chị S bỏ đi và anh chị sống ly thân từ đó đến nay.

Anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ vì vậy anh C đồng ý ly hôn với chị S.

- Về con chung: Anh và chị S có 01 con chung là cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 06-10-2012. Từ ngày 22-3-2020 chị S bỏ đi khỏi nhà và đưa cháu Q đi theo thì cháu Q do chị S nuôi dưỡng. Ly hôn anh C nhận nuôi cháu Q và không yêu cầu chị S cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Hiện nay anh Q làm công nhân tại công ty TNHH Young One, mức lương là 7.500.000 đồng/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con ăn học.

Tại phiên tòa: Anh C nhất trí giao cháu Q cho chị S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 05-6-2020, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị S và anh Vũ Trần C đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 28-11-2011. Trong cuộc sống chung giữa anh C và chị S nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn. Vậy địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các đương sự và quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh C và chị S có 01 con chung là Vũ Minh Q, sinh ngày 06-10-2012. Từ thời điểm anh C và chị S sống ly thân thì cháu Q ở cùng mẹ. Nay cả 02 bên đều có nguyện vọng được nuôi con. Địa phương nhận thấy, cả chị S và anh C đều có sức khỏe, có khả năng lao động, có công việc và thu nhập nên đều có đủ điều kiện để được nuôi con. Địa phương đề nghị căn cứ vào nguyện vọng của các bên và quy định của pháp luật để giao con cho người nào nuôi dưỡng phải đảm bảo cho cháu Q được sinh hoạt, học tập, phát triển tốt nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị S và anh Vũ Trần C.

+ Về con chung: Chị S và anh C có 01 con chung là cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 06-10-2012, hiện cháu Q đang ở cùng chị S. Ly hôn, chị S có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại phiên tòa anh C nhất trí giao cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 06-10-2012 cho chị S nuôi dưỡng, chị S không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên anh không có ý kiến gì. Xét thấy nguyện vọng của chị S và anh C là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và phù hợp với quy định của pháp luật do đó căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Đề nghị giao cháu Vũ Minh Q cho chị S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q thành niên, có khả năng lao động tự lập được, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung,

+ Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Đương sự không kê khai, không đề nghị giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Trần C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là chị Đoàn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị S và anh Vũ Trần C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 28-11-2011, như vậy hôn nhân của chị S và anh C là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn chị S và anh C chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, trong cuộc sống chung có xảy ra xô xát, đánh, chửi nhau dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân vào tháng 3-2020 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống, chị S và anh C không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử

xác định tình trạng hôn nhân gia đình của chị S và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị S và anh C có 01 con chung là cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 06-10-2012. Hiện nay cháu Q đang được chị S nuôi dưỡng. Ly hôn chị S có nguyện vọng được nuôi con chung. Tại phiên tòa anh C cũng nhất trí giao con chung cho chị S nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Q hiện đang được chị S nuôi dưỡng, cháu đang sinh sống và học tập cùng chị S ổn định ở nơi cư trú mới tại Hà Nội, cháu Q cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, tại phiên tòa anh C cũng nhất trí giao cháu Q cho chị S nuôi dưỡng do đó Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Minh Q cho chị Đoàn Thị S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Q thành niên, có khả năng lao động tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị S.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác liên quan: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đoàn Thị S phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị S và anh Vũ Trần C.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Minh Q, sinh ngày 06-10-2012 cho chị Đoàn Thị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Q trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được (hiện cháu Q đang sinh sống cùng chị S).

Anh Vũ Trần C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đoàn Thị S.

Anh Vũ Trần C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Đoàn Thị S.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đoàn Thị S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị S đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án

phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0001949 ngày 28-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị S đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Anh Vũ Trần C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Đoàn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm